TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **167**/2019/HC-PT
Ngày: 24/7/2019
V/v: Khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Ngô Anh Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương;

Ông Nguyễn Văn Cường.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 63/2019/TLPT-HC ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc "Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7209/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1945; trú tại: Xóm A, xã P, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H:

1. Anh Đặng Minh C, sinh năm 1990; trú tại: Xóm B, thôn T, xã Đông La, huyện D, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1990; trú tại: Phường D, quận L, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Anh Phạm Việt A, sinh năm 1992; trú tại: phường T, quận D, thành phố

Hà Nội. Vắng mặt.

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Số 3, đường Trường Thi, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Số 27, đường Lê Mao, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Trụ sở: Số 3, đường Trường Thi, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An. Trụ sở: Số 27, đường Lê Mao, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Trung L, bà Hồ Thị H; địa chỉ: Xóm 1, xã P, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

4. Ông Đặng Thế Đ và bà Phan Thị Tr; địa chỉ: Xóm 1, xã P, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th; địa chỉ: Xóm 1, xã P, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1974; Vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Lam C, sinh năm 1985; Vắng mặt.

8. Cháu Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn H2 (con ông Nguyễn Quyết T2 - đã chết)

Cùng địa chỉ: Xóm 1, xã P, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/12/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định 470/QĐ-UBND.ĐC về việc thu hồi đất tại xã P thành phố V, tỉnh Nghệ An có nội dung: "Điều 1: Thu hồi 227,2m^2 đất phi nông nghiệp không phải đất ở) thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính xã P do Hợp tác xã mua bán bị giải thể không sử dụng. Vị trí ranh giới khu đất thu hồi được xác định theo "trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 26/BĐ.ĐC" được Ủy ban

nhân dân thành phố V xác nhận ngày 26/11/2008; Điều 2: Giao cho Ủy ban nhân dân thành phố V quản lý diện tích khu đất thu hồi nêu trên đưa vào sử dụng theo quy hoạch và pháp luật…".

Sau đó, Uỷ ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản cho 08 hộ dân tại khu đất Hợp tác xã mua bán P (cũ) để thực hiện quy hoạch vùng Q, thành phố V: Tổng số tiền hỗ trợ là 2.166.215.864đ (trong đó: Hỗ trợ về đất: 1.931.200.000đ; hỗ trợ tài sản: 235.015.864đ). Cụ thể từng hộ được hỗ trợ số tiền 270.776.983đ (bao gồm hỗ trợ về đất: 241.400.000đ; hỗ trợ tài sản: 29.376.983đ); loại đất được hỗ trợ là đất phi nông nghiệp.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ về đất nên bà Phạm Thị H cùng các hộ dân có đơn khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố V đã ban hành Quyết định số 11242/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) không chấp nhận khiếu nại của bà Phạm Thị H; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND.KT ngày 05/02/2016 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) có nội dung: Công nhận và giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đối với bà Phạm Thị H.

Sau khi có Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, ngày 14/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chia lô đất ở vùng dân cư vùng Q. Ngày 17/10/2016, tổ chức cưỡng chế thu hồi đất.

Bà Phạm Thị H cùng các hộ dân khác cho rằng việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V không đúng thực tế, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của các hộ dân sống kinh doanh ổn định từ năm 1989 trên diện tích 786m^2 tại Q, xã P, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Ngày 19/01/2017, bà Phạm Thị H làm đơn khởi kiện vụ án Hành chính với nội dung: Yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định hành chính:

- Hủy một phần Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chia lô đất ở dân cư vùng Q, xã P, thành phố V;

- Hủy một phần Quyết định số 609/QĐ-UBND.KT ngày 05/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại liên quan đến bà Phạm Thị H tại xã P, thành phố V, Nghệ An;

- Hủy các quyết định Hành chính liên quan gồm:

+ Quyết định 470/QĐ-UBND.ĐC ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thu hồi 227,2m^2 đất phi nông nghiệp thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 12, xã P;

+ Một phần Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản của các hộ dân tại khu đất Hợp tác xã mua bán (cũ) xã P;

+ Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho các gia đình ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Trung L và ông Nguyễn Văn S vì cấp trái pháp luật;

- Đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường theo giá đất ở đối với phần diện tích đất của bà trong tổng số diện tích 786m^2 đất Q, xã P, thành phố V, Nghệ An; Đề nghị được ưu tiên mua lại đất theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi đất.

Lý do khởi kiện theo đại diện được ủy quyền của bà Phạm Thị H trình bày: Năm 1997, Ủy ban nhân dân xã P giao cho Hợp tác xã mua bán P diện tích khoảng 786m^2 để mở rộng sản xuất kinh doanh. Do kinh doanh không hiệu quả và nợ ngân hàng 11.900.000đ nên cuộc họp giữa Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã P, Hợp tác xã mua bán P ngày 14/8/1989 thống nhất cho 08 hộ xã viên trong đó có bà Phạm Thị H góp mỗi hộ 5.000.000đ x 08 hộ = 40.000.000đ. 08 hộ đã ở và kinh doanh ổn định trên diện tích 786m^2 đất từ năm 1989. Năm 1992, Hợp tác xã mua bán P giải thể, Uỷ ban nhân dân xã P không giải quyết việc góp vốn của các hộ dân mà để 08 hộ tiếp tục sử dụng 786m^2 đất để kinh doanh.

Ngày 31/12/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định 470/QĐ-UBND.ĐC về việc thu hồi 227,2m^2 đất (thửa số 30, tờ bản đồ 12 bản đồ địa chính xã P) do Hợp tác xã mua bán P giải thể để giao cho Ủy ban nhân dân thành phố V quản lý, đồng thời Ủy ban nhân dân thành phố V lập phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho các hộ gia đình. Sau đó, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Sau khi bị cưỡng chế, 07 hộ dân làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố V và Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị xem xét lại. Ngày 15/8/2014, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản của các hộ dân tại khu đất Hợp tác xã mua bán (cũ) xã P. Trong đó hỗ trợ bằng 100% giá đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) đối với 227,2m^2 đất là không đúng mà phải bồi thường giá đất ở với toàn bộ diện

tích 786m^2.

Phía bên người bị kiện đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày: Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản cho các hộ dân tại khu đất Hợp tác xã mua bán (cũ) xã P để thực hiện quy hoạch vùng Q với diện tích 227,2m^2, loại đất được hỗ trợ là đất phi nông nghiệp (không phải đất ở). Các hộ dân khiếu nại Ủy ban nhân dân thành phố V hỗ trợ không đúng diện tích và loại đất nên yêu cầu bồi thường diện tích 786m^2 mức giá đất ở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND.KT ngày 05/02/2016 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Phạm Thị H cùng các hộ gia đình khác tại xã P, thành phố V, Nghệ An với nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (Quyết định số 11242/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 về việc giải quyết khiếu nại bà Phạm Thị H) là có căn cứ. Đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày: Nguồn gốc diện tích đất 786m^2 (đo đạc năm 1993) là đất của Hợp tác xã Hùng Mạnh Tiến cho Hợp tác xã mua bán xã P mượn. Hai Hợp tác xã trên không thanh lý, hóa giá nhà gắn liền với đất cho các hộ gia đình và cá nhân. Các hộ gia đình, cá nhân là xã viên Hợp tác xã mua bán P sử dụng ki-ốt để kinh doanh, không phải làm nhà ở. Diện tích xây dựng ki-ốt là 227,2m^2 đất; các hộ không có giấy tờ và quyền sử dụng đất theo khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các hộ dân không thuộc đối tượng bị thu hồi đất nên không đủ điều kiện để bồi thường đất. Vùng đất này quy hoạch phân lô từ năm 1993 và đã cấp cho 03 hộ gia đình (không quy hoạch đất sản xuất kinh doanh). Các hộ sử dụng kinh doanh không phù hợp với quy hoạch. Vì vậy, Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản cho các hộ gia đình đối với diện tích đất đang sử dụng 227,2m^2 bằng 100% giá đất phi nông nghiệp là đúng quy định. Các hộ dân khiếu nại yêu cầu được bồi thường toàn bộ diện tích 786m^2 đất với giá đất ở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 11242/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H và không chấp nhận khiếu nại của bà Phạm Thị H là có căn cứ.

Đối với việc cưỡng chế thu hồi đất: Sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân thành phố V ban hành Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chia lô đất ở vùng dân cư vùng Q. Ngày 17/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V tổ chức cưỡng chế thu hồi đất. Trước khi thực hiện việc cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã thông báo nhiều lần và họp làm việc vận động các hộ dân bàn giao mặt bằng nhưng các hộ dân không thực hiện. Việc ban hành Quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đảm bảo trình tự, thủ tục và đúng quy định pháp luật.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 hộ gia đình ông Nguyễn Trung L, ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Văn S: 03 hộ gia đình đã được Ủy ban nhân dân xã P giao đất từ năm 1993 (Ủy ban nhân dân xã P giao đất không đúng thẩm quyền, các hộ đã nộp tiền sử dụng đất). Năm 2000, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đồng ý chủ trương, Ủy ban nhân dân thành phố V lập bản vẽ quy hoạch phân lô đất ở tồn đọng được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt ngày 03/01/2002 gồm 29 lô đất tồn đọng, trong đó có 03 hộ dân nêu trên. 03 hộ dân ông Nguyễn Trung L, ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Văn S được giao đất ở tồn đọng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/11/2009. Tuy nhiên, 08 hộ dân không chịu bàn giao mặt bằng. Năm 2016, Ủy ban nhân dân thành phố V tiến hành cưỡng chế thu hồi đất thì đến ngày 06/12/2016, 03 hộ dân ông Nguyễn Trung L, ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Văn S mới được giao đất trên thực địa (BL 201). Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và đại diện Ủy ban nhân dân thành phố V thống nhất với quan điểm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V. Đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Các hộ gia đình ông Nguyễn Trung L, ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Văn S mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập hợp lệ đến làm việc, đối thoại và tham gia phiên tòa nhưng không chấp hành, không cung cấp tài liệu chứng cứ, từ chối làm việc (viết vào biên bản giao giấy triệu tập do Thừa phát lại giao và cho rằng không liên quan).

Quá trình đối thoại, đại diện được ủy quyền cho Phạm Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 18, Điều 21, Điều 31, khoản 2 Điều 40 Luật Khiếu nại;

Căn cứ khoản 1 Điều 44; khoản 2 điều 37; Điều 38; khoản 2 Điều 49; Điều 52; Điều 43 Luật Đất đai năm 2003; Điều 71; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 65 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 2 Quyết định 77/2013/QĐ ngày 30/12/2013; điểm a khoản 3 Điều 9 Quyết định số 100/2009/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Điều 348 Luật tố tụng Hành chính; Điều 31; Điều 32; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đề nghị hủy:

- Một phần Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chia lô đất ở dân cư vùng Q, xã P, thành phố V;

- Một phần Quyết định số 609/QĐ-UBND.KT ngày 05/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) liên quan đến bà Phạm Thị H tại xã P, thành phố V, Nghệ An;

- Hủy các quyết định Hành chính liên quan gồm:

+ Quyết định 470/QĐ-UBND.ĐC ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thu hồi 227,2m^2 đất phi nông nghiệp thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 12, xã P;

+ Một phần Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản của các hộ dân tại khu đất Hợp tác xã mua bán(cũ), xã P liên quan đến bàPhạm Thị H;

+ Quyết định số 11242/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với bà Phạm Thị H;

+ Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Quyết định số 5422/QĐ-UBND ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919487 ngày

25/11/2009 cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th;

Quyết định số 5421/QĐ-UBND ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919489 ngày 25/11/2009 cấp cho ông Đặng Thế Đ và bà Phan Thị Tr;

Quyết định số 5420/QĐ-UBND ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919488 ngày 25/11/2009 cấp cho ông Nguyễn Trung L và bà Hồ Thị H) do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho các gia đình ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Trung L và ông Nguyễn Văn S;

- Đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường theo giá đất ở đối với phần diện tích đất của bà trong tổng số diện tích 786m^2 đất Q, xã P, thành phố V, Nghệ An; Đề nghi được ưu tiên mua lại đất theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/11/2018, người khởi kiện là bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Năm 1987, Ủy ban nhân dân xã P giao cho Hợp tác xã mua bán P diện tích khoảng 786m^2 để mở rộng sản xuất kinh doanh. Do kinh doanh không hiệu quả và nợ ngân hàng 11.900.000đ nên cuộc họp giữa Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã P, Hợp tác xã mua bán P ngày 14/8/1989 thống nhất giao cho 08 hộ xã viên trong đó có bà Phạm Thị H mỗi hộ góp 5.000.000đ x 08 hộ = 40.000.000đ. 08 hộ trong đó có hộ bà Hường đã ở và kinh doanh ổn định trên diện tích 786m^2 đất từ năm 1989. Năm 1992, Hợp tác xã mua bán P giải thể, Uỷ ban nhân dân xã P không giải quyết việc góp vốn của các hộ dân mà để 08 hộ tiếp tục sử dụng 786m^2 đất để kinh doanh đến khi có quyết định thu hồi đất. Mặc dù hiện nay không còn lưu giữ tài liệu liên quan đến việc giao đất, tuy nhiên có đủ căn cứ để khẳng định việc giao đất cho 08 hộ dân có diễn ra trên thực tế.

Việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An là trái quy định của pháp luật: Căn cứ thu hồi đất không thuộc các trường hợp được thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai năm 2003. Mục đích thu hồi đất trái pháp luật. Thực chất đây là quan hệ dân sự không phải quan hệ hành chính. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An không có thẩm quyền thu hồi đất trong trường hợp này mà

thẩm quyền thu hồi đất phải thuộc về Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Việc Ủy ban nhân dân xã P giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 3 hộ dân năm 2009 là vi phạm pháp luật.

Việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đối với 08 hộ dân đang sử dụng đất là không thỏa đáng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thu hồi đất. Khi thu hồi thì Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Ủy ban nhân dân thành phố V chưa xem xét đến số tiền mà bà Hường đã nộp vào Hợp tác xã mua bán để được sử dụng đất cũng như công sức quản lý, tôn tạo đất từ năm 1989 đến khi bị cưỡng chế thu hồi là không đảm bảo quyền lợi cho bà Hường.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các quy định pháp luật luật hiện hành, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng như thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ngày 19/01/2017, bà Phạm Thị H làm đơn khởi kiện vụ án Hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 609/QĐ-UBND.KT ngày 05/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại trong đó có gia đình bà Phạm Thị H là còn thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

Đối với các quyết định hành chính liên quan đã hết thời hiệu khởi kiện nên phải xem xét theo Điều 193 Luật tố tụng Hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần

thứ hai vắng mặt đã có đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa và người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Xét tính hợp pháp của Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại (lần 2):

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: Do không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, bà Phạm Thị H không đồng ý nên tiếp tục có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã thành lập tổ công tác liên ngành (do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì). Trên cơ sở kết quả kiểm tra xác minh khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) đối với các hộ gia đình trong đó có bà Phạm Thị H là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 21, khoản 2 Điều 40 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

Về nguồn gốc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12 diện tích 786m^2 đất tại Q, xã P, thành phố V, Nghệ An là của Hợp tác xã nông nghiệp Hùng Mạnh Tiến cho Hợp tác xã mua bán xã P (cũ) xây dựng cửa hàng mua bán năm 1987. Năm 1991, Hợp tác xã mua bán xã P giải thể trả đất cho Hợp tác xã nông nghiệp Hùng Mạnh Tiến. 08 hộ gia đình nguyên là xã viên Hợp tác xã mua bán xã P trong đó có bà Phạm Thị H đã xây dựng 08 ki-ốt diện tích 227,2m^2 đất để kinh doanh. Năm 2001, Ủy ban nhân dân thành phố V lập bản vẽ quy hoạch phân lô đất ở dạng tồn đọng và được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt ngày 03/01/2002 tổng là 29 lô, trong đó có 03 lô đất được Ủy ban nhân dân xã P bán cho 3 gia đình ông Nguyễn Trung L, ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Văn S vào năm 1993.

Theo hồ sơ quản lý qua các thời kỳ: Bản đồ đo đạc năm 1993 phản ánh: Thửa số 45, tờ bản đồ số 09, diện tích 786m^2 thể hiện là đất chuyên dùng, chủ sử dụng là Hợp tác xã mua bán xã P; bản đồ đo đạc năm 2001: Thể hiện thửa số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích 227,2m^2 là đất thổ cư (ký hiệu T) và có thể hiện ki-ốt; sổ mục kê thể hiện là đất chuyên dùng do Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Ngày 26/11/2008, Ủy ban nhân dân xã P và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã chỉnh lý loại đất, trích lục bản đồ địa chính (được Ủy ban nhân dân thành phố V xác nhận) là loại đất cơ sở sản xuất kinh doanh (ký hiệu là CSK).

Tại thời điểm thu hồi đất (tháng 12/2008) thửa đất gồm có 08 ki-ốt diện

tích 227,2m^2, ki-ốt có mái che, chái cột bê tông không có tường bao (6,6 x 13,3m = 87,78m^2). Ngoài ra còn có 01 ngôi nhà cấp 4 (13,3mx 5,8m = 77,14m^2) đã bán thanh lý cho ông Đặng Thế Đ sau khi Hợp tác xã mua bán xã P giải thể.

Xét thấy, diện tích ki-ốt bà Phạm Thị H sử dụng khoảng 28,4m^2 không có khuôn viên riêng, sử dụng 01 trong 08 ki-ốt chung trên diện tích 227,2m^2, mục đích sử dụng để kinh doanh, quá trình sử dụng đất bà Phạm Thị H không thực hiện việc đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo khoản 1,2,3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ**.** Do đó, bà Phạm Thị H không đủ điều kiện để bồi thường đất ở đối với một phần diện tích đất 227,2m^2 đã sử dụng và toàn bộ diện tích 786m^2 của khu đất của Hợp tác xã mua bán (cũ) xã P. Cho nên, Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An không chấp nhận khiếu nại của bà Phạm Thị H yêu cầu được bồi thường toàn bộ diện tích 786m^2 với giá đất ở là có căn cứ pháp luật.

2.2. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất thấy rằng:

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: Sau khi có Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đối với khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất, bà Phạm Thị H và các hộ gia đình khác không thực hiện bàn giao mặt bằng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chia lô đất ở vùng dân cư vùng Q. Trước khi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V mời bà Phạm Thị H cùng các hộ dân đến làm việc để vận động, thuyết phục bàn giao mặt bằng nhưng bà Phạm Thị H và các hộ dân không chấp hành. Ngày 17/10/2016 thì tổ chức cưỡng chế thu hồi đất. Do đó, ngày 14/10/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 7166/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

Xét tính hợp pháp về nội dung của quyết định thì thấy: Sau khi có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bà Phạm Thị H không bàn giao mặt bằng nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất là có căn cứ pháp luật theo quy định tại Điều 71 Luật

Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 65 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

2.3. Xét yêu cầu hủy các Quyết định Hành chính liên quan của người khởi kiện thấy rằng:

* Đối với Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản của các hộ dân tại khu đất Hợp tác xã mua bán (cũ) xã P:

Sau khi thu hồi đất, Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 20/02/2009 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ tài sản (ki-ốt) và hỗ trợ di chuyển cho gia đình bà Phạm Thị H. Tuy nhiên các hộ dân khiếu nại yêu cầu được bồi thường đất. Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất, bổ sung phần tài sản cho các hộ dân trong đó có bà Phạm Thị H. Xét thấy: Tại thời điểm thu hồi đất, bà Phạm Thị H sử dụng đất để sản xuất kinh doanh, không phải để ở, diện tích sử dụng 1 ki-ốt trong 8 ki-ốt chung trên diện tích 227,2m^2. Bà Phạm Thị H không đủ điều kiện để được bồi thường đất nên được xem xét hỗ trợ. Khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản và đất cho bà Phạm Thị H, Ủy ban nhân dân thành phố V đã xem xét hiện trạng và thẩm định đo vẽ diện tích thực tế theo hiện trạng. Tại Quyết định số 6207/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường nêu trên đã hỗ trợ tài sản, và đất cho bà Phạm Thị H số tiền 270.776.983đ (tài sản: 29.376.983đ; đất: 241.400.000đ). Việc hỗ trợ đất bằng 100% giá đất phi nông nghiệp (giá 17.000.000đ/m2 x 50% = 8.500.000đ/m^2) căn cứ theo khoản 1 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1 Điều 2 Quyết định 77/2013/QĐ ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An là đúng quy định pháp luật và đã đảm bảo quyền lợi cho bà Phạm Thị H.

* Đối với các quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho các gia đình ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Trung L và ông Nguyễn Văn S thể hiện: Tại Quyết định số 5422/QĐ-UBND ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919487 ngày 25/11/2009 của Uỷ ban nhân dân thành phố V cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th thửa số 56, tờ bản đồ số 12, diện tích 72,3m^2 tại xóm 1, xã P, thành phố V, tỉnh Nghệ An (thay thế quyết định 854/QĐ-UBND ngày 24/10/2007); Quyết định số 5421/QĐ-UBND ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919489 ngày 25/11/2009 cấp cho ông Đặng Thế Đ và bà Phan Thị Tr thửa số 30,

tờ bản đồ số 12, diện tích 68,9 m^2 tại xóm 1, xã P, thành phố V, tỉnh Nghệ An (thay thế Quyết định 255/QĐ-UB ngày 26/5/2004); Quyết định số 5420/QĐ-UBND ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919488 ngày 25/11/2009 cấp cho ông Nguyễn Trung L và bà Hồ Thị H thửa số 55, tờ bản đồ số 12, diện tích 68,9 m^2 tại xóm 1, xã P, thành phố V, tỉnh Nghệ An (thay thế quyết định 1073/QĐ-UBND ngày 16/11/2007). Xét thấy: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 hộ dân nêu trên chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục. Tuy nhiên 03 hộ dân đã được Ủy ban nhân dân xã P bán đất năm 1993, các hộ dân đã nộp tiền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trên thực tế chưa được bàn giao mặt bằng. Sau khi có quyết định thu hồi đất, ngày 25/11/2009 Ủy ban nhân dân thành phố V đã thực hiện cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 3 hộ gia đình. Đến ngày 06/12/2016 hộ ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Trung L và ông Nguyễn Văn S mới được giao đất trên thực địa (03 hộ dân đã liên tục kiến nghị yêu cầu được giao đất). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 hộ dân nêu trên là đúng thẩm quyền và có căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 37; Khoản 2 Điều 49; Điều 52 Luật Đất đai năm 2003 và điểm a khoản 3 Điều 9 Quyết định số 100/2009/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Bà Phạm Thị H đã có nhà ở nơi khác, bà Hường chỉ sử dụng ki-ốt để kinh doanh, không được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên yêu cầu hủy các quyết định và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để giao đất cho bà là không có cơ sở để chấp nhận.

* Đối với Quyết định số 470/QĐ-UBND.ĐC ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thu hồi 227,2m^2 đất phi nông nghiệp thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 12, xã P thấy rằng: Khi thu hồi đất của Hợp tác xã mua bán (cũ) xã P có 08 hộ đang sử dụng 08 ki-ốt để kinh doanh, phần đất này Ủy ban nhân dân thành phố V đã cấp cho 03 hộ gia đình khác nhưng thực tế chưa được bàn giao mặt bằng. Việc thu hồi đất là chưa đảm bảo trình tự, thủ tục, nhưng xét thấy việc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thu hồi đất để thực hiện việc quản lý đất theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và việc thu hồi đất là có căn cứ theo điểm d khoản 2 Điều 6; Điều 38; khoản 1 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003. Từ năm 2008 đến nay, bà Phạm Thị H cùng các hộ dân khác chỉ khiếu nại về phương án bồi thường, hỗ trợ và không có khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất và các quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 hộ dân không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Phạm Thị H. Diện tích 227,2m^2 bị thu hồi nằm

trong thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12 tại Q, xã P, thành phố V, Nghệ An đã đưa vào sử dụng theo quy hoạch, nay bà Phạm Thị H mới khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 470/QĐ-UBND.ĐC về việc thu hồi đất là không có căn cứ để chấp nhận.

* Đối với Quyết định số 11242/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Phạm Thị H là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền và có căn cứ pháp luật theo quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 và Điều 31 Luật Khiếu nại.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H là có căn cứ đúng pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị H.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên lẽ ra bà Phạm Thị H phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên bà Phạm Thị H tuổi đã cao, thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn án phí Hành chính sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Phạm Thị H.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 1683/QĐ-CT-UBND ngày 19/5/2009 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phạm Thị H và Quyết định số 4366/QĐ-CT.UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ Điều 173 Luật tố tụng Hành chính, xét thấy yêu cầu khởi kiện này vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của bà Phạm Thị H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 18, Điều 21, Điều 31, khoản 2 Điều 40 Luật Khiếu nại;

Căn cứ khoản 1 Điều 44; khoản 2 điều 37; Điều 38; khoản 2 Điều 49; Điều

52; Điều 43 Luật Đất đai năm 2003; Điều 71; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 65 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 2 Quyết định 77/2013/QĐ ngày 30/12/2013; điểm a khoản 3 Điều 9 Quyết định số 100/2009/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Điều 348 Luật tố tụng Hành chính; Điều 31; Điều 32; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đề nghị hủy:

- Một phần Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chia lô đất ở dân cư vùng Q, xã P, thành phố V;

- Một phần Quyết định số 609/QĐ-UBND.KT ngày 05/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) liên quan đến bà Phạm Thị H tại xã P, thành phố V, Nghệ An;

- Hủy các quyết định Hành chính liên quan gồm:

+ Quyết định 470/QĐ-UBND.ĐC ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thu hồi 227,2m^2 đất phi nông nghiệp thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 12, xã P;

+ Một phần Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản của các hộ dân tại khu đất Hợp tác xã mua bán(cũ), xã P liên quan đến bàPhạm Thị H;

+ Quyết định số 11242/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với bà Phạm Thị H;

+ Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Quyết định số 5422/QĐ-UBND ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919487 ngày 25/11/2009 cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th;

Quyết định số 5421/QĐ-UBND ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919489 ngày 25/11/2009 cấp cho ông Đặng Thế Đ và bà Phan Thị Tr;

Quyết định số 5420/QĐ-UBND ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919488 ngày 25/11/2009 cấp cho ông Nguyễn Trung L và bà Hồ Thị H) do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho các gia đình ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Trung L và ông Nguyễn Văn S;

- Đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường theo giá đất ở đối với phần diện tích đất của bà trong tổng số diện tích 786m^2 đất Q, xã P, thành phố V, Nghệ An; Đề nghi được ưu tiên mua lại đất theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi đất.

2. Về án phí:

- Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Phạm Thị H. Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An (tại biên lai số 0006811 ngày 30/5/2017).

- Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Phạm Thị H.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
-Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Anh Dũng